

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 874/2021/KDTM-ST
Ngày: 22-6-2021
V/v tranh chấp giữa các thành
viên của công ty

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hề

2. Bà Hồ Thị Diệu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiệp Định - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 5 và 22 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2014/TLST-KDTM ngày 16 tháng 6 năm 2014 về “Tranh chấp giữa các thành viên của công ty” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1446/2021/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4345/2021/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Tiến D, sinh năm: 1974

Địa chỉ: 39 đường NCH, phường Tiền An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Quốc K, sinh năm: 1986 (theo Hợp đồng ủy quyền số 025780 ngày 05/12/2016).

2. *Bị đơn:* Bà Trương Hai Y (Trương Hải Y), sinh năm: 1973

Địa chỉ: Pháp.

Địa chỉ liên hệ: 93/32 đường XV, Phường 17, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Thế M, sinh năm: 1966 (theo Giấy ủy quyền số 8032 ngày 28/6/2014).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hoàng Quốc H, sinh năm: 1990, địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Trung H2, sinh năm: 1982, (Giấy ủy quyền số 12571 ngày 19/9/2014).

(Tại phiên tòa ngày 27/5/2021 ông Phạm Quốc K và ông Trương Thế M có mặt; tại phiên tòa ngày 22/6/2021 ông Phạm Quốc K vắng mặt, ông Trương Thế M có mặt; ông Võ Trung H có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn - Ông Hoàng Tiến D, có người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Quốc K trình bày:*

Công ty Dasy (sau đây gọi tắt là Công ty) đăng ký lần đầu ngày 17/5/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 22/3/2019, có trụ sở chính tại 93/32 đường XV, Phường 17, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, gồm 03 cổ đông góp vốn: Hoàng Tiến D chiếm 50% cổ phần phổ thông, Trương Hải Y (Trương Hải Y) chiếm 49% cổ phần phổ thông, Hoàng Quốc H chiếm 1% cổ phần phổ thông.

Ngày 05/4/2013 bà Y được ông D - Giám đốc Công ty bổ nhiệm làm Phó Giám đốc để điều hành Công ty theo chỉ đạo của Giám đốc Công ty.

Do phải đi công tác khoảng 2 tháng nên ông D ủy quyền cho bà Y toàn quyền quyết định trong việc điều hành và quản lý Công ty, thời hạn ủy quyền từ ngày 05/4/2013 đến ngày 02/6/2013. Sau khi công tác trở về, ông D có yêu cầu rà soát lại tất cả hoạt động kinh doanh, thu, chi của Công ty trong thời gian ông D ủy quyền, qua đó ông D phát hiện ra những khoản thu chi không hợp lý và yêu cầu bà Y giải trình.

Tại nhiều cuộc họp vào các ngày 29/8/2013, 03/9/2013, 18/9/2013, 20/9/2013 giải quyết với kế toán, bà Y đã không hợp tác, không ký biên bản và bắt đầu gây áp lực với ông D.

Ngày 16/5/2014 ông D có thuê Văn phòng Thừa phát lại Quận 10 lập vi bằng về buổi làm việc giữa ông D với bà Y về việc bà Y không cho ông D vào Công ty để làm việc.

Qua nhiều lần trao đổi, ông D đề nghị bà Y trả lại con dấu, hồ sơ giấy tờ của Công ty nhưng bà Y vẫn không đáp ứng. Cuối tháng 11/2013 bà Y cho ông D biết là toàn bộ hồ sơ, giấy tờ, con dấu đã bị mất. Tháng 6/2014 ngoài số tiền nợ thuế Công ty còn bị cơ quan thuế phạt do chậm nộp thuế một khoản tiền 52.716.088 đồng theo thông báo về yêu cầu nộp hồ sơ khai thuế ngày 28/5/2014 của Chi cục Thuế quận Bình Thạnh.

Sau đó, ông D làm đơn báo với Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH Công an Thành phố Hồ Chí Minh về việc mất con dấu của Công ty và đề nghị cấp lại dấu mới. Ngày 26/12/2013 Công ty cấp lại con dấu mới để tiếp tục hoạt động.

Ngày 26/12/2013 ông D ra Ngân hàng Vietinbank để rút tiền nộp thuế. Tuy nhiên bà Y tiếp tục cản trở không cho ông D rút tiền bằng cách tự ý sử dụng con dấu của Công ty đóng vào văn bản gửi cơ quan Công an để chứng minh con dấu Công ty không bị mất. Khi biết con dấu của Công ty vẫn còn, ông D đã tự nguyện giao nộp lại con dấu mới cho cơ quan công an.

Do hành vi của bà Y đã dẫn đến Công ty không thể thực hiện việc kê khai, đóng thuế nên chưa thể thực hiện được nghĩa vụ thuế với cơ quan thuế; không thể thực hiện ký Biên bản thanh lý hợp đồng với Big C nên dẫn đến không thể nhận được tiền công nợ thanh lý hợp đồng, Công ty bị thua lỗ, trang thiết bị, vật liệu bị hư hỏng và Công ty không thể thực hiện hoạt động kinh doanh cho đến nay. Hiện nay Công ty đã ngừng hoạt động nhưng chưa giải thể. Nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét buộc bà Trương Hải Y:

- Ngưng việc quản lý và sử dụng con dấu và trả lại con dấu cho người đại diện theo pháp luật là ông Hoàng Tiến D – Giám đốc Công ty.

- Bàn giao lại toàn bộ sổ sách hồ sơ pháp lý của Công ty đang lưu tại trụ sở cho ông Hoàng Tiến D, gồm:

- + Giấy chứng nhận thành lập Công ty Dasy số 0311792608 cấp ngày 17/5/2012, thay đổi lần 3 ngày 22/3/2013;

- + Giấy chứng nhận mẫu dấu số CAT 363/ĐKMD ngày 18/5/2012 của Công an Thành phố Hồ Chí Minh;

- + Điều lệ Công ty;

- + Sổ sách kế toán; hồ sơ báo cáo thuế theo tháng, quý, năm; hồ sơ báo cáo tài chính từ 05/4/2013 đến ngày 02/6/2013;

- + Hồ sơ nhân viên, hợp đồng lao động; Bảng lương nhân viên.

- + Các bản hợp đồng mà Công ty ký kết với các đối tác khác.

- Chịu trách nhiệm đối với khoản thuế và phạt chậm nộp thuế từ khi bà Y giữ con dấu của Công ty tính đến thời điểm xét xử. Tiền thuế tạm tính đến ngày 30/7/2017 là 486.180.539 đồng (Theo Công văn số 7376/CCT-KTT2 ngày 28/6/2018 của Chi cục Thuế quận Bình Thạnh) trong đó tổng số tiền cơ quan thuế đã cưỡng chế qua tài khoản ngân hàng của Công ty là 376.205.602 đồng, số nợ tạm tính theo Công văn số 7376/CCT-KTT2 ngày 28/6/2018 của Chi cục Thuế quận Bình Thạnh là 109.974.937 đồng.

- Bồi thường cho Công ty số tiền thất thoát do không thu được công nợ từ các khách hàng là 108.022.804 đồng.

** Bị đơn - bà Trương Hải Y (Trương Hải Y), có người đại diện theo ủy quyền là ông Trương Thế M trình bày:*

- Từ tháng 04/2013, bà Y đều photocopy toàn bộ sổ sách kế toán ra 01 bản và chuyển cho ông D thông qua ông Hoàng Quốc H hoặc Công ty TNHH Tư vấn Thuế ACB để ông D tiện theo dõi (đính kèm email thông báo cho ông D mỗi lần giao nhận chứng từ và Biên nhận giao chứng từ).

Mặt khác, Luật Doanh nghiệp quy định doanh nghiệp phải lưu giữ các tài liệu tại trụ sở chính nên bà Y không thể bàn giao toàn bộ sổ sách, hồ sơ pháp lý bản chính của Công ty cho ông D mang đi ra khỏi trụ sở công ty.

- Về con dấu: Ngày 20/12/2013, ông D là Giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật của Công ty đã khai báo gian dối bị mất con dấu để được Phòng

Cảnh sát QLHC về TTXH cấp con dấu của Công ty theo Giấy chứng nhận mẫu dấu số 255440/ĐKMD ngày 20/12/2013 (con dấu thứ hai).

Theo nội dung Biên bản làm việc ngày 07/10/2014 giữa Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH với bà Y, do ông D khai báo gian dối mất con dấu thứ 1 khi làm thủ tục khắc dấu lần 2 nên đã bị thông báo trên toàn quốc về việc mất con dấu.

Hiện nay, cơ quan công an đã thu hồi con dấu thứ hai đã cấp cho ông D. Nếu công ty vẫn còn tiếp tục hoạt động, Phòng cảnh sát QLHC về TTXH sẽ làm thủ tục khắc lại con dấu mới (Biên bản làm việc ngày 07/10/2014 giữa Phòng cảnh sát QLHC về TTXH với bà Y).

Mặc dù công ty đang nợ thuế từ thời điểm ngày 31/10/2013 (Văn bản số 7376/CCT-KTT2 ngày 28/06/2018 của Chi cục Thuế quận Bình Thạnh) nhưng ông D đã sử dụng con dấu mới của công ty để tiến hành rút số tiền 500.000.000 đồng từ tài khoản của Công ty tại Ngân hàng Vietinbank chuyển sang tài khoản của cá nhân ông D tại Ngân hàng Vietcombank (Biên bản làm việc với ngân hàng ngày 26/12/2013). Theo nội dung biên bản, ngân hàng chưa thể giải quyết vì Công ty đang tồn tại song song hai con dấu.

Theo Luật Doanh nghiệp, con dấu của doanh nghiệp phải được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của doanh nghiệp do đó bà Y chỉ là người quản lý con dấu tại trụ sở công ty nên không thể bàn giao con dấu để ông D mang đi ra khỏi trụ sở công ty được vì ông D cũng không chứng minh được khi mang dấu ra khỏi công ty có thuộc trường hợp thật cần thiết để giải quyết công việc ở xa trụ sở cơ quan không. Mặt khác con dấu do bà Y đang giữ cũng không còn hiệu lực pháp luật.

- Về nợ thuế:

Theo Văn bản số 7376/CCT-KTT2 ngày 28/6/2018 của Chi cục Thuế quận Bình Thạnh, Công ty nợ thuế từ thời điểm ngày 31/10/2013 (trước khi xảy ra tranh chấp và trước khi ông D khai báo mất dấu, khắc dấu mới).

Mỗi lần Công ty nhận thông báo thuế, bà Y đều gửi cho ông D hoặc nhân viên ông D hoặc nhân viên Công ty ACB (là đơn vị làm dịch vụ kế toán cho công ty) và thông báo qua email cho ông D.

Bà Y với tư cách cổ đông đã nhiều lần nhắc nhở ông D việc nộp thuế nhưng ông D đã trả lời chỉ nộp thuế khi giải quyết thống nhất trong cuộc họp công ty (đính kèm email trả lời của ông D ngày 28/8/2013) và trên thực tế cho đến nay, ông D không tổ chức cuộc họp để giải quyết.

Từ thời điểm ngày 26/12/2013 (Biên bản làm việc với ngân hàng), ông D đã biết rõ phải phối hợp với bà Y trong việc giải quyết công ty đang tồn tại hai con dấu nhưng ông D không làm bất cứ điều gì để đưa công ty trở lại hoạt động và giảm thiệt hại cho công ty.

Theo Luật Doanh nghiệp, ông D với tư cách Giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật của Công ty đã không thực hiện đúng nghĩa vụ người quản lý công ty (trung thực, cẩn trọng, bảo vệ tốt nhất lợi ích công ty) dẫn đến Công

ty bị nợ thuế và bị phạt chậm nộp thuế mặc dù tại thời điểm tháng 12/2013, tài khoản Công ty vẫn đủ tiền để nộp thuế và dẫn đến công ty bị cưỡng chế thuế (bao gồm tiền nợ thuế + tiền chậm nộp) số tiền 486.180.539 đồng.

- Về thanh lý hợp đồng với Big C:

Giữa Công ty và Big C có ký hợp đồng số 3000569/320 YV000/01-2012 ngày 01/3/2012. Phía Big C đã chuyển biên bản thanh lý hợp đồng vào ngày 16/5/2014 và yêu cầu Công ty ký biên bản thanh lý hợp đồng để Big C thanh toán cho công ty số tiền là 108.022.804 đồng. Big C vẫn không thấy phản hồi nên Big C đã thông báo từ ngày 28/7/2014 đến ngày 01/8/2014 mà Công ty vẫn không ký biên bản thanh lý hợp đồng thì Big C sẽ từ chối thanh toán (đính kèm email ngày 28/7/2014).

Bà Y đã email thông báo và nhắc nhở cho ông D với tư cách là Giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật Công ty ký biên bản thanh lý hợp đồng với Big C ngay lập tức (email ngày 29/7/2014) và nhắc nhở bằng nhiều email trước đó nhưng ông D vẫn không phản hồi và không ký biên bản thanh lý hợp đồng với Big C (email ngày 20/5/2014 và ngày 30/6/2014 và ngày 25/7/2014). Điều này dẫn đến việc Big C từ chối thanh toán số tiền 108.022.804 đồng cho Công ty.

- Về công nợ với Metro: Bà Y đã không đồng ý ký hợp đồng quảng cáo với Metro (email ngày 05/8/2014) nhưng ông D vẫn cố tình thực hiện dẫn đến việc Công ty nợ Metro số tiền là 49.316.032 đồng (Thông báo của Metro ngày 29/7/2014).

Từ những điều đã trình bày nêu trên, ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn như sau:

- Không đồng ý bàn giao con dấu cho ông D.

- Không đồng ý bàn giao sổ sách kế toán, hồ sơ pháp lý bản chính cho ông D.

Bị đơn có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Yêu cầu ông D chịu trách nhiệm về số tiền phạt chậm nộp thuế. Theo thông báo tiền nợ thuế và tiền chậm nộp của Chi cục Thuế quận Bình Thạnh ngày 28/06/2018 với số tiền 486.180.539 đồng.

- Yêu cầu ông D chịu trách nhiệm thanh toán số tiền thanh lý với Big C là 108.022.804 đồng.

- Yêu cầu ông D bồi thường thiệt hại cho Công ty Dasy số tiền là 49.316.032 đồng phát sinh từ công nợ với Metro.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – ông Hoàng Quốc H, có ông Võ Trung H2 là người đại diện theo ủy quyền trình bày tại bản tự khai ngày 21/10/2014: Ông H không có ý kiến trong việc tranh chấp giữa ông D và bà Y. Ông H xin xét xử vắng mặt.*

Tại phiên tòa:

** Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu đòi bị đơn – bà Trương Hải Y:*

- Ngưng việc quản lý và sử dụng con dấu và trả lại con dấu cho người đại diện theo pháp luật là ông Hoàng Tiến D – Giám đốc Công ty.

- Bàn giao lại toàn bộ sổ sách hồ sơ pháp lý của Công ty đang lưu tại trụ sở cho ông Hoàng Tiến D. Gồm:

+ Giấy chứng nhận thành lập Công ty Dasy số 0311792608 cấp ngày 17/5/2012, thay đổi lần 3 ngày 22/3/2013;

+ Giấy chứng nhận mẫu dấu số CAT 363/ĐKMD ngày 18/5/2012 của Công an Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Điều lệ Công ty;

+ Sổ sách kế toán; hồ sơ báo cáo thuế theo tháng, quý, năm; hồ sơ báo cáo tài chính từ 05/4/2013 đến ngày 02/6/2013;

+ Hồ sơ nhân viên, hợp đồng lao động; Bảng lương nhân viên.

+ Các bản hợp đồng mà Công ty ký kết với các đối tác khác.

- Chịu trách nhiệm đối với khoản thuế và phạt chậm nộp thuế từ khi bà Y giữ con dấu của Công ty tính đến thời điểm xét xử. Tiền thuế tạm tính đến ngày 30/7/2017 là 486.180.539 đồng (theo Công văn số 7376/CCT-KTT2 của Chi cục Thuế quận Bình Thạnh ngày 28/6/2018) trong đó tổng số tiền cơ quan thuế đã cưỡng chế qua tài khoản ngân hàng của Công ty là 376.205.602 đồng, số nợ tạm tính theo Công văn số 7376/CCT-KTT2 của Chi cục Thuế quận Bình Thạnh ngày 28/6/2018 là 109.974.937 đồng.

Nguyên đơn rút yêu cầu đòi bà Y bồi thường cho Công ty số tiền thất thoát do không thu được công nợ từ các khách hàng là 108.022.804 đồng.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

* Đại diện bị đơn đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn gồm:

- Ngưng việc quản lý và sử dụng con dấu và trả lại con dấu cho người đại diện theo pháp luật là ông Hoàng Tiến D – Giám đốc Công ty.

- Bàn giao lại toàn bộ sổ sách hồ sơ pháp lý của Công ty đang lưu tại trụ sở cho ông Hoàng Tiến D, gồm:

+ Giấy chứng nhận thành lập Công ty Dasy số 0311792608 cấp ngày 17/5/2012, thay đổi lần 3 ngày 22/3/2013;

+ Giấy chứng nhận mẫu dấu số CAT 363/ĐKMD ngày 18/5/2012 của Công an Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Điều lệ Công ty;

+ Sổ sách kế toán; hồ sơ báo cáo thuế theo tháng, quý, năm; hồ sơ báo cáo tài chính từ 05/4/2013 đến ngày 02/6/2013;

+ Hồ sơ nhân viên, hợp đồng lao động; Bảng lương nhân viên.

+ Các bản hợp đồng mà Công ty ký kết với các đối tác khác.

Bị đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố:

- Yêu cầu ông D chịu trách nhiệm thanh toán số tiền thanh lý với Big C là 108.022.804 đồng.

- Yêu cầu ông D bồi thường thiệt hại cho Công ty Dasy số tiền là 49.316.032 đồng phát sinh từ công nợ với Metro.

- Yêu cầu ông D chịu trách nhiệm đối với khoản thuế và phạt chậm nộp thuế từ khi bà Y giữ con dấu của Công ty tính đến thời điểm xét xử. Tiền thuế tạm tính đến ngày 30/7/2017 là 486.180.539 đồng (Theo Công văn số 7376/CCT-KTT2 của Chi cục Thuế quận Bình Thạnh ngày 28/6/2018) trong đó tổng số tiền cơ quan thuế đã cưỡng chế qua tài khoản ngân hàng của Công ty là 376.205.602 đồng, số nợ tạm tính theo Công văn số 7376/CCT-KTT2 của Chi cục Thuế quận Bình Thạnh ngày 28/6/2018 là 109.974.937 đồng.

Bị đơn vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Y ngưng việc quản lý, sử dụng con dấu và trả lại con dấu cho ông D, bàn giao lại toàn bộ sổ sách hồ sơ pháp lý của Công ty đang lưu tại trụ sở cho ông D; Bác yêu cầu của ông D đòi bà Y chịu trách nhiệm đối với số tiền nợ thuế và tiền phạt chậm nộp thuế do không có căn cứ; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự có cơ sở xác định đây là tranh chấp giữa các thành viên của công ty. Bị đơn cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy căn cứ vào khoản 4 Điều 30, khoản 1 Điều 37, khoản 3 Điều 38, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn – ông Hoàng Tiến D, Hội đồng xét xử có nhận định như sau:

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đăng ký lần đầu ngày 17/5/2012, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 22/3/2013) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty Dasy, có trụ sở chính tại 93/32 đường XV, Phường 17, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ lời khai

nhận của các bên đương sự tại các buổi làm việc, hòa giải và tại phiên tòa thì Công ty Dasy gồm 03 cổ đông góp vốn: Hoàng Tiến D chiếm 50% cổ phần phổ thông, Trương Hải Y (Trương Hải Y) chiếm 49% cổ phần phổ thông, Hoàng Quốc H chiếm 1% cổ phần phổ thông. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Hoàng Tiến D. Căn cứ thông tin doanh nghiệp tại Cổng thông tin quốc gia về doanh nghiệp thì hiện nay Công ty đang hoạt động.

[2.1] Về yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn:

- Ngưng việc quản lý và sử dụng con dấu và trả lại con dấu cho người đại diện theo pháp luật là ông Hoàng Tiến D – Giám đốc Công ty.

- Bàn giao lại toàn bộ sổ sách hồ sơ pháp lý của Công ty đang lưu tại trụ sở cho ông Hoàng Tiến D. Gồm:

- + Giấy chứng nhận thành lập Công ty Dasy số 0311792608 cấp ngày 17/5/2012, thay đổi lần 3 ngày 22/3/2013;

- + Giấy chứng nhận mẫu dấu số CAT 363/ĐKMD ngày 18/5/2012 của Công an Thành phố Hồ Chí Minh;

- + Điều lệ Công ty;

- + Sổ sách kế toán; hồ sơ báo cáo thuế theo tháng, quý, năm; hồ sơ báo cáo tài chính từ 05/4/2013 đến ngày 02/6/2013;

- + Hồ sơ nhân viên, hợp đồng lao động; Bảng lương nhân viên.

- + Các bản hợp đồng mà Công ty ký kết với các đối tác khác.

Xét thấy tại phiên tòa, bị đơn bà Trương Hải Y đồng ý ngưng việc quản lý, sử dụng con dấu, trả lại con dấu và toàn bộ tài liệu, sổ sách nêu trên cho nguyên đơn ông Hoàng Tiến D là người đại diện theo pháp luật của Công ty Dasy là tự nguyện và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Về yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn chịu trách nhiệm đối với khoản thuế và phạt chậm nộp thuế từ khi bà Y giữ con dấu của Công ty Dasy tính đến thời điểm xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo công văn số 7376/CCT-KTT ngày 28/6/2018 của Chi cục Thuế quận Bình Thạnh thì số tiền nợ thuế của Công ty Dasy năm 2013 là 463.403.143 đồng. Theo Thông báo tiền thuế nợ và tiền chậm nộp ngày 14/11/2013 của Chi cục Thuế quận Bình Thạnh, tại bảng kê chi tiết số thuế nợ và tiền chậm nộp kèm theo thông báo cho thấy số tiền nợ thuế giá trị gia tăng phát sinh từ tháng 8/2012 đến tháng 7/2013. Như vậy số tiền nợ thuế phát sinh trước khi xảy ra tranh chấp giữa ông D và bà Y (tháng 8/2013 như lời trình bày của ông D) và do doanh nghiệp nợ thuế nên bị phạt chậm nộp thuế cho nên việc ông D cho rằng số tiền nợ thuế và tiền phạt chậm nộp thuế là do lỗi của bà Y là không phù hợp nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của ông D. Theo quy định tại Điều 8 của Luật Doanh nghiệp năm 2014, doanh nghiệp có nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Theo Công văn số 7376/CCT-KTT2 của Chi cục Thuế quận Bình Thạnh ngày 28/6/2018, sau khi Công ty Dasy bị cưỡng chế thu thuế qua tài khoản ngân hàng của Công ty Dasy là 376.205.602 đồng; theo Công văn số 4076A/CCTBTH –KKKTT-TH ngày

18 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thuế quận Bình Thạnh tính đến kỳ kê toán tháng 6/2021 thì Công ty Dasy còn nợ số tiền thuế và tiền phạt chậm nộp thuế là 110.317.987 đồng, số tiền này Công ty Dasy phải có trách nhiệm nộp cho cơ quan thuế theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về yêu cầu của nguyên đơn đòi bà Y bồi thường cho Công ty Dasy số tiền thất thoát do không thu được công nợ từ các khách hàng là 108.022.804 đồng: Do tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại yêu cầu này là tự nguyện và hợp lệ nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phần yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Về yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trương Hải Y: xét thấy tại phiên tòa, phía bị đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố là tự nguyện và hợp lệ nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Căn cứ Điều 18, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Ông D phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận là 5.515.869 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí do ông D đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu số AG/2010/07048 ngày 13/6/2014 và 3.260.218 đồng theo Biên lai thu số AG/2010/08285 ngày 11/3/2015 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông D còn phải nộp thêm 255.651 đồng.

Bà Y phải chịu án phí không có giá ngạch đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 3.000.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.460.000 đồng theo Biên lai thu số AG/2010/09282 ngày 29/9/2015 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Y được hoàn lại 3.460.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 4 Điều 30, khoản 1 Điều 37, khoản 3 Điều 38, khoản 1 Điều 39, các điều 217, 218, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các điều 8, 157 và 160 của Luật doanh nghiệp năm 2014 ;

Điều 18 và 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn ông Hoàng Tiến D và bị đơn bà Trương Hải Y (Trương Hải Y) về việc:

- Bà Trương Hai Y (Trương Hải Y) đồng ý ngưng việc quản lý và sử dụng con dấu, trả lại con dấu của Công ty Dasy cho ông Hoàng Tiến D.

- Bà Trương Hai Y (Trương Hải Y) đồng ý bàn giao lại toàn bộ sổ sách, hồ sơ pháp lý của Công ty Dasy cho ông Hoàng Tiến D, gồm:

+ Giấy chứng nhận thành lập Công ty Dasy số 0311792608 cấp ngày 17/5/2012, thay đổi lần 3 ngày 22/3/2013;

+ Giấy chứng nhận mẫu dấu số CAT 363/ĐKMD ngày 18/5/2012 của Công an Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Điều lệ Công ty;

+ Sổ sách kế toán; hồ sơ báo cáo thuế theo tháng, quý, năm; hồ sơ báo cáo tài chính từ 05/4/2013 đến ngày 02/6/2013;

+ Hồ sơ nhân viên, hợp đồng lao động; Bảng lương nhân viên.

+ Các bản hợp đồng mà Công ty Dasy ký kết với các đối tác khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Tiến D đòi bị đơn bà Trương Hai Y (Trương Hải Y) phải chịu trách nhiệm đối với khoản thuế và phạt chậm nộp thuế là 110.317.387 đồng.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Tiến D đòi bị đơn bà Trương Hai Y (Trương Hải Y) bồi thường cho Công ty Dasy số tiền thất thoát do không thu được công nợ từ các khách hàng là 108.022.804 đồng

4. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trương Hai Y (Trương Hải Y) yêu cầu nguyên đơn ông Hoàng Tiến D:

- Chịu trách nhiệm thanh toán số tiền thanh lý với Big C là 108.022.804 đồng.

- Bồi thường thiệt hại cho Công ty Dasy số tiền là 49.316.032 đồng phát sinh từ công nợ với Metro.

- Chịu trách nhiệm đối với khoản thuế và phạt chậm nộp thuế của Công ty Dasy.

5. Về án phí:

Ông Hoàng Tiến D phải chịu án phí là 5.515.869 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí do ông Hoàng Tiến D đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu số AG/2010/07048 ngày 13/6/2014 và 3.260.218 đồng theo Biên lai thu số AG/2010/08285 ngày 11/3/2015 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Hoàng Tiến D còn phải nộp thêm 255.651 đồng.

Bà Trương Hai Y (Trương Hải Y) phải chịu án phí là 3.000.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.460.000 đồng theo Biên lai thu số AG/2010/09282 ngày 29/9/2015 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trương Hai Y (Trương Hải Y) được hoàn lại 3.460.000 đồng.

6. Các bên đương sự thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Án sơ thẩm xử công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày:

- Kể từ ngày tuyên án đối với đương sự có mặt;

- Kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với đương sự vắng mặt khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND TPHCM;
- Cục THADS TP HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hương